

Số: 22 /2013/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 25 tháng 12 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp kiểm tra, đối chiếu thông tin
và sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia
về tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản nhà nước ngày 03/6/2008;

Căn cứ Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính thực hiện một số nội dung của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 123/2011/TT-BTC ngày 31/8/2011 của Bộ Tài chính Hướng dẫn việc quản lý, khai thác Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 09/2012/TT-BTC ngày 19/01/2012 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính Quy định thực hiện một số nội dung của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 297/TTr-STC ngày 19/11/2013 và Báo cáo thẩm định số 235/BC-STP ngày 08/10/2013 của Giám đốc Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp kiểm tra, đối chiếu thông tin và sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính (báo cáo);
- Cục Kiểm tra Văn bản QPPL-Bộ TP (báo cáo);
- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐB Quốc hội - HĐND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- CVKT (T, K), NC (A);
- Lưu: VT, Ktr36/12.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Dương Tiến Dũng

QUY CHẾ

Phối hợp kiểm tra, đối chiếu thông tin và sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh Cà Mau
(Ban hành kèm theo Quyết định số 22 /2013/QĐ-UBND
ngày 25/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định mối quan hệ phối hợp, kiểm tra, đối chiếu thông tin và sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản Nhà nước giữa Sở Tài chính tỉnh Cà Mau với các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan, đơn vị, tổ chức được giao, quản lý và sử dụng tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

2. Quy chế này áp dụng đối với các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; các cơ quan, đơn vị, tổ chức được giao, quản lý, sử dụng tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh Cà Mau. Đối với đơn vị thuộc Công an, Bộ Chỉ huy Quân sự, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng thực hiện theo hướng dẫn riêng của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

Việc phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị phải tuân theo nguyên tắc chặt chẽ, kịp thời, thống nhất, đảm bảo tính chính xác số liệu của cả tỉnh, từng cấp, từng cơ quan, tổ chức, đơn vị trong cơ sở dữ liệu (sau đây viết tắt là CSDL).

Điều 3. Mục đích phối hợp

Việc phối hợp nhằm cung cấp thông tin để kiểm tra, đối chiếu kết quả đăng nhập dữ liệu tài sản nhà nước vào phần mềm Quản lý đăng ký tài sản nhà nước và sử dụng thông tin lưu trữ trong CSDL quốc gia về tài sản nhà nước vào các mục đích: Thực hiện báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước hàng năm theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và các báo cáo khác có liên quan theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; lập dự toán, xét duyệt quyết toán, quyết định, kiểm tra, kiểm toán, thanh tra việc đầu tư xây dựng, mua sắm, nâng cấp cải tạo, sửa chữa, sử dụng, xử lý (thu hồi, bán, điều chuyển, thanh lý, tiêu hủy) tài sản nhà nước.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Trình tự lập hồ sơ báo cáo kê khai tài sản nhà nước

1. Hình thức báo cáo kê khai tài sản:

Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô các loại; tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản có trách nhiệm báo cáo kê khai đăng ký theo đúng mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 09/2012/TT-BTC ngày 19/01/2012 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

a) Đối với trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp thực hiện theo Mẫu 01-ĐK/TSNN; mỗi trụ sở lập riêng một báo cáo kê khai.

b) Đối với xe ô tô thực hiện kê khai theo Mẫu 02-ĐK/TSNN; mỗi đơn vị lập một báo cáo kê khai.

c) Đối với tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản thực hiện theo Mẫu 03-ĐK/TSNN; mỗi đơn vị lập một báo cáo kê khai.

2. Trường hợp có thay đổi về tài sản nhà nước do đầu tư xây dựng, mua sắm mới, tiếp nhận từ đơn vị khác về sử dụng, thanh lý, điều chuyển, bị thu hồi, thiêu hủy hoặc bán theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; thay đổi mục đích sử dụng tài sản hoặc cơ quan được giao quản lý, sử dụng tài sản thay đổi tên gọi, chia tách, sáp nhập theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cơ quan, tổ chức, đơn vị có các thông tin thay đổi nêu trên lập báo cáo kê khai bổ sung trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có sự thay đổi theo Mẫu số 04-ĐK/TSNN ban hành kèm theo Thông tư số 09/2012/TT-BTC ngày 19/01/2012 của Bộ Tài chính.

3. Báo cáo kê khai đăng ký tài sản nhà nước được lập thành 03 bộ, gửi 02 bộ đến sở, ban, ngành chủ quản hoặc UBND cấp huyện (sau đây gọi tắt là cơ quan chủ quản), 01 bộ lưu tại cơ quan, tổ chức, đơn vị.

4. Cơ quan chủ quản (cấp huyện thông qua Phòng Tài chính - Kế hoạch) thực hiện xác nhận hồ sơ báo cáo kê khai tài sản nhà nước của cơ quan, tổ chức, đơn vị; gửi 01 bộ hồ sơ báo cáo kê khai tài sản đã có xác nhận đến Sở Tài chính (hoặc cơ quan được phân cấp nhập dữ liệu), 01 bộ lưu tại cơ quan chủ quản.

5. Sở Tài chính hoặc cơ quan được phân cấp nhập dữ liệu thực hiện việc đăng ký tài sản vào Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản nhà nước theo quy định.

Điều 5. Phối hợp cung cấp thông tin để kiểm tra, đối chiếu kết quả kê khai đăng ký tài sản nhà nước

1. Sở Tài chính có trách nhiệm cập nhật, kiểm tra, đối chiếu số liệu đã đăng ký trong Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản nhà nước với hồ sơ báo cáo kê khai của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Sở Tài chính sau khi đối chiếu số liệu trong CSDL với hồ sơ báo cáo kê khai có trách nhiệm:

a) In và gửi “*Phiếu xác nhận thông tin trong CSDL về tài sản nhà nước*” cho từng cơ quan, tổ chức, đơn vị để kiểm tra và xác nhận về tính chính xác của số liệu đã đăng nhập vào CSDL.

b) In và gửi thông tin về đất đến Sở Tài nguyên và Môi trường để Sở Tài nguyên và Môi trường căn cứ hồ sơ địa chính đối chiếu, kiểm tra các thông tin có liên quan.

3. Cơ quan, tổ chức, đơn vị và Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm đối chiếu, xác nhận thông tin nêu trên và gửi về Sở Tài chính trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị.

Điều 6. Phối hợp trong công tác lập dự toán đầu tư xây dựng, mua sắm, nâng cấp cải tạo, sửa chữa tài sản nhà nước

1. Cơ quan chủ quản và các đơn vị sử dụng tài sản nhà nước khi xây dựng kế hoạch mua sắm, đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa tài sản nhà nước từ nguồn ngân sách nhà nước phải gửi kèm “*Phiếu xác nhận thông tin trong CSDL về hiện trạng, số lượng tài sản nhà nước đã kê khai, đăng ký*” do Sở Tài chính cung cấp trình cấp có thẩm quyền tổng hợp cho chủ trương, thẩm định, phê duyệt dự toán.

2. Sở Tài chính kiểm tra hiện trạng và số lượng tài sản đã được trang cấp của đơn vị đã đăng ký trong CSDL quốc gia về tài sản nhà nước. Nếu đơn vị chưa kê khai, đăng ký tài sản (*trụ sở làm việc, xe ô tô, tài sản khác có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản*) theo quy định, Sở Tài chính đề nghị đơn vị kê khai bổ sung đầy đủ trước khi thực hiện kiểm tra hiện trạng sử dụng tài sản trực tiếp tại đơn vị, không xem xét kế hoạch đầu tư xây dựng, mua sắm, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa tài sản nhà nước đối với những đơn vị có tài sản phải đăng ký nhưng không thực hiện kê khai vào Phần mềm quản lý tài sản.

3. Sở Tài chính là cơ quan chủ trì phối hợp sở, ngành chuyên môn và cơ quan quản lý, sử dụng tài sản thực hiện kiểm tra thông tin về tài sản đã kê khai trong CSDL quốc gia và thực tế tài sản để làm cơ sở đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản của đơn vị quản lý, sử dụng tài sản nhà nước đã kê khai trong CSDL quốc gia về tài sản nhà nước để làm cơ sở đánh giá.

4. Trường hợp cần thiết, các cơ quan thẩm định tiến hành kiểm tra thực tế tại đơn vị. Nếu số liệu trong CSDL quốc gia không phản ánh đúng thực tế hiện trạng kiểm tra, cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng tài sản nhà nước báo cáo điều chỉnh số liệu gửi cơ quan chủ quản, Sở Tài chính để thực hiện điều chỉnh trong CSDL.

5. Sở Tài chính chịu trách nhiệm cung cấp “*Phiếu xác nhận thông tin trong CSDL về tài sản nhà nước*” cho đơn vị khi có yêu cầu trong trường hợp địa phương chưa phân cấp việc khai thác dữ liệu về tài sản nhà nước cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng tài sản.

Điều 7. Phối hợp trong công tác xét duyệt quyết toán đầu tư xây dựng, mua sắm, nâng cấp cải tạo, sửa chữa, sử dụng tài sản nhà nước

1. Cơ quan có thẩm quyền xét duyệt quyết toán (*Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế hoạch.*) chỉ xem xét, thực hiện quyết toán đối với các tài sản thuộc đối tượng kê khai đăng ký sau khi tài sản đó đã được đăng ký vào CSDL.

2. Sau khi quyết toán, nếu có chênh lệch về số liệu giữa kê khai với giá trị duyệt quyết toán, thì cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản có trách nhiệm lập báo cáo điều chỉnh số liệu theo mẫu: Mẫu 04a-ĐK/TSNN, Mẫu 04b-ĐK/TSNN; xe ô tô: Mẫu 04c-ĐK/TSNN; tài sản khác có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên Mẫu 04d-ĐK/TSNN và Mẫu 04đ-ĐK/TSNN ban hành kèm theo Thông tư số 09/2012/TT-BTC ngày 19/01/2012 của Bộ Tài chính gửi cơ quan chủ quản xác nhận và gửi Sở Tài chính để thực hiện điều chỉnh trong CSDL.

3. Sau khi có kết quả duyệt quyết toán, các đơn vị thực hiện bàn giao đầy đủ hồ sơ liên quan đến tài sản nhà nước đã thực hiện đầu tư, mua sắm cho đơn vị thụ hưởng tiếp tục theo dõi.

Điều 8. Phối hợp trong công tác xử lý (thu hồi, bán, điều chuyển, thanh lý, tiêu hủy) tài sản nhà nước

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước khi đề nghị xử lý tài sản nhà nước (thu hồi, bán, điều chuyển, thanh lý, tiêu hủy) phải kèm theo “*Danh mục tài sản nhà nước đề nghị xử lý*” theo Mẫu 01A-ĐK/TSNN quy định theo Thông tư số 09/2012/TT-BTC ngày 19/01/2012 của Bộ Tài chính, được in trực tiếp từ CSDL gửi đến Sở Tài chính.

2. Sở Tài chính hướng dẫn thủ tục và có trách nhiệm cung cấp “*Danh mục tài sản nhà nước đề nghị xử lý*” cho đơn vị khi có yêu cầu.

Điều 9. Phối hợp trong việc kiểm tra, kiểm toán, thanh tra việc chấp hành chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước

1. Cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán sử dụng thông tin trong CSDL để làm cơ sở thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán việc chấp hành chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

2. Sở Tài chính chịu trách nhiệm cung cấp hồ sơ về tài sản in trực tiếp từ CSDL khi có yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán.

Điều 10. Phối hợp trong công tác báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước

1. Hàng năm, cơ quan, tổ chức, đơn vị giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước, có trách nhiệm lập báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản theo quy định tại Điều 32, Điều 34 Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/06/2009 của Chính phủ.

2. Để đảm bảo số liệu báo cáo được thống nhất, Sở Tài chính thực hiện việc khóa toàn bộ số liệu tài sản thuộc phạm vi quản lý trong CSDL quốc gia để báo cáo vào ngày 30/01 hàng năm. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa thực hiện báo cáo biến động tài sản hàng năm để Sở Tài chính nhập dữ liệu của năm báo cáo vào phần mềm phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Nội dung báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 5, Điều 6 Thông tư số 09/2012/TT-BTC ngày 19/01/2012 của Bộ Tài chính.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Khen thưởng và xử lý vi phạm

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân thực hiện tốt những nội dung của Quy chế này thì được khen thưởng. Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định tại Quy chế này thì tùy theo mức độ vi phạm mà có hình thức xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính có trách nhiệm:

Tổ chức hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này; định kỳ hàng năm tổng hợp báo cáo kê khai tài sản nhà nước của các đơn vị trực thuộc báo cáo UBND tỉnh và thực hiện một số nhiệm vụ hướng dẫn, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh như sau:

a) Hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ liên quan đến Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản nhà nước của Bộ Tài chính cho các đơn vị trong tỉnh;

b) Tham mưu cho UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh xử lý những đơn vị vi phạm theo thẩm quyền;

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và quy định cụ thể tại Quy chế này.

2. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo biến động của tài sản nhà nước theo đúng thời hạn quy định và phối hợp với Sở Tài chính, các đơn vị có liên quan trong việc báo cáo kê khai tài sản nhà nước của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Dương Tiến Dũng